

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*1/- Ông Huỳnh Ngọc Trứ;*

*2/- Bà Trần Thị Út.*

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị Ngọc L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: anh Phạm Hữu D, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp M, xã K, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Chị L và anh D vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc L trình bày: chị và anh Phạm Hữu D tổ chức đám cưới vào đầu năm 2020, đến tháng 9/2020 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Từ đầu năm 2021, chị và anh D thường xuyên cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc, anh D làm chồng không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con, đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2021 đến nay.

Chị Bùi Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

- Chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Phạm Hữu D.

- Về con chung: chị và anh D có 01 con chung tên Phạm Bùi Gia T sinh ngày 27/10/2020. Ly hôn chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn anh Phạm Hữu D không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc L và vắng mặt tại phiên hòa giải đoàn tụ.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn, chị Bùi Thị Ngọc L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn, anh Phạm hữu D vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

Chị Bùi Thị Ngọc L là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

Anh Phạm Hữu D là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Giữa chị Bùi Thị Ngọc L và anh Phạm Hữu D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị Bùi Thị Ngọc L xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Phạm Hữu D mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm năm 2021 đến nay do anh D không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con, thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh D.

Anh Phạm Hữu D không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn và trình bày của chị L về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, cũng không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh D không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị L, lời trình bày của chị L nêu trong đơn về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị Ngọc L và anh Phạm Hữu D là trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]. Về con chung:**

Chị L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung.

Anh D không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung và cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị L.

Thấy rằng: giấy khai sinh do chị L giao nộp kèm theo đơn khởi kiện xác định cháu Phạm Bùi Gia T sinh ngày 27/10/2020 là con chung của chị L và anh D, cháu Gia T chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L.

Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: đơn khởi kiện chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con là trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị L chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

**[4]. Về tài sản chung:**

Chị L không yêu cầu giải quyết.

**[5]. Về án phí:**

Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[6].** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**\* Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Xử:**

**1. Quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận cho chị Bùi Thị Ngọc L được ly hôn với anh Phạm Hữu D.

**2. Con chung:**

Giao 01 con chung tên Phạm Bùi Gia T sinh ngày 27/10/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị L chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

**3. Án phí:**

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002148 ngày 06/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị L không phải nộp tiếp tiền án phí.

**4. Quyền kháng cáo:**

Chị L và anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
Đã ký

**Hồ Thị Ánh Tuyết**